

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 04/2020/HC-GĐT

Ngày 17 - 02 - 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành

chính về nuôi con nuôi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- ***Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:*** 17 thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Chủ tọa phiên tòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 17-02-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “Khiếu kiện quyết định hành chính về nuôi con nuôi” giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị Huệ T, sinh năm 1969;

Cư trú tại: Nhà số A đường N, Phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. ***Người bị kiện:*** UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ A, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện: Ông Lê Văn Đ – Phó Chủ tịch UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 05/UBND ngày 12-6-2016 của UBND xã T).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Lê Thị Bé Â, sinh năm 1968; Cư trú tại: Nhà số X1 đường T, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 06-5-1999, UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01, Quyền số I công nhận cụ Nguyễn Thị H, sinh ngày 01-9-1928, nơi thường trú: Số X đường T, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa, Giấy chứng minh nhân dân số 270023xxx do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/4/1978 là mẹ nuôi của bà Lê Thị Bé Á, sinh ngày 05-5-1968, quê quán ấp T, xã T, huyện L, hiện đang tạm trú tại nhà số X đường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa.

Cụ Nguyễn Thị H chết ngày 24-8-2015. Bà Nguyễn Thị Huệ T là cháu của cụ H cho rằng bà được cụ H nhận về làm con nuôi từ lúc mới sinh và sinh sống cùng cụ H đến lúc lấy chồng (năm 1992), còn bà Á là người làm công, nội trợ cho gia đình bà tại nhà số X đường T, thành phố V; Bà không biết lý do tại sao bà Á lại lập được thủ tục công nhận là con nuôi của cụ H, trong khi bà Á đã 31 tuổi. Theo bà T thì Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01 ngày 06-5-1999 do UBND xã T ban hành là trái quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 vì tại thời điểm nhận nuôi bà Á đã 31 tuổi, không phải là trẻ em. Thời điểm này cụ H sống cùng với hai em ruột là cụ Nguyễn Thị T1 và cụ Nguyễn Văn C (cha của bà), cụ H không phải là người già cô đơn. Mặt khác, theo tờ khai gia đình do cụ H lập ngày 27-6-1975 thể hiện bà là con của cụ H; Hồ sơ nhận nuôi con nuôi của cụ H đối với bà Á không có đơn và không có xác nhận của xã, phường về hoàn cảnh người già cô đơn. Bà T biết được Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01 ngày 06-5-1999 nêu trên khoảng gần hai tháng sau khi cụ H chết (tháng 10-2015) và theo Văn bản số 82 ngày 28-12-2015 của UBND xã T. Ngày 14-12-2015, ngày 22-01-2016 bà T có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định công nhận nuôi con nuôi nêu trên của UBND xã T.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện là ông Lê Văn Đ trình bày:

Ngày 06-5-1999, UBND xã T ban hành Quyết định số 01 công nhận cụ H là mẹ nuôi của bà Á, UBND xã căn cứ theo Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 05-7-1994, căn cứ Điều 36 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10-10-1998 của Chính phủ; UBND xã đã xét đơn yêu cầu của cụ H và giấy thỏa thuận của cha mẹ ruột bà Á về việc cho bà Á làm con nuôi cụ H. UBND xã T đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định về việc nhận nuôi con nuôi nên ban hành Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01 ngày 06-5-1999. Do UBND xã không có kho lưu trữ hồ sơ nên tất cả các hồ sơ lưu trữ của các ngành sau khi kết thúc năm để vào bao lưu trữ vào năm 1999; Trụ sở UBND xã nằm ven sông C, do sử dụng nền chợ cũ làm cơ quan nên ẩm thấp, hàng năm bị lũ đến nên hồ sơ lưu trữ bị ẩm ướt và thất lạc. Năm 2000 UBND xã di dời về địa điểm mới, do

vận chuyển nhiều lần nên hồ sơ bị thất lạc hoặc bị mối ăn hết không thể tìm được, hiện hồ sơ chỉ còn lại bộ gốc Sổ đăng ký nhận nuôi con nuôi (có chữ ký của bên giao con nuôi là cụ Lê Văn K, Đỗ Thị V và bên nhận nhận nuôi con nuôi là cụ H) và Quyết định số 01/QĐ/UB ngày 06-5-1999 về việc công nhận nuôi con nuôi. UBND xã đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Bé A trình bày:

Bà quen biết cụ H từ năm 1988, sinh sống cùng cụ H từ năm 1989 đến khi cụ H chết. Năm 1999, cụ H chỉ sống một mình, độc thân, già yếu nên cụ H đã yêu cầu bà về UBND xã T làm thủ tục nhận bà làm con nuôi. Cụ H và bà đã làm đầy đủ các thủ tục nhận nuôi con nuôi, sau đó được UBND xã T ra Quyết định số 01 ngày 06-5-1999 công nhận bà là con nuôi của cụ H. Bà T cho rằng mình là cháu và được cụ H nhận làm con nuôi từ nhỏ là không đúng, thực tế bà T có sống cùng với cụ H nhưng đến năm 1992 thì bà T đi lấy chồng và chuyển đi sinh sống ở nơi khác; Tờ Sơ yếu lý lịch cụ H khai năm 1999 chỉ khai mình bà là con nuôi; Khi cụ H chết thì bà là người đăng ký khai tử, tại Giấy chứng tử cũng thể hiện bà là con nuôi. Bà đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 22-9-2016, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huệ T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 01 ngày 06-5-1999 của UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23-9-2016, bà T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06-10-2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định số 37/QĐKNPT-HC kháng nghị Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà T hủy Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01 ngày 06-5-1999 của UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 37/QĐKNPT-HC ngày 06-10-2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 22-9-2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2017/HC-PT ngày 29-9-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

- *Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huệ T về việc yêu cầu hủy Quyết định nuôi con nuôi số 01 ngày 06-5-1999 của UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;*

- *Chấp nhận việc rút kháng nghị và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định số 37/QĐKN-PT ngày 06-10-2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân*

huyện L về việc kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 22-9-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2016/HC-ST ngày 22-9-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Huệ T có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại Bản án hành chính phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/2017/KN-HC ngày 19-12-2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên và đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm nêu trên; Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HC-GĐT ngày 06-3-2018, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2017/HC-PT ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCTST ngày 22-9-2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 14-4-2018, bà Lê Thị Bé A có đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HC-GĐT ngày 06-3-2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn của bà A do Ủy ban Tư pháp của Quốc hội chuyển theo Công văn số 1297/UBTP14 ngày 21-6-2018).

Ngày 02-7-2018, UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có Công văn số 41/UBND đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HC-GĐT ngày 06-3-2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 17-8-2018, UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp có Công văn số 213/UBND-NC đề nghị Tòa án nhân dân các cấp xem xét giữ nguyên Quyết định số 01 ngày 06-5-1999 của UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10-5-2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định số 12/2019/KN-HC kháng nghị Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HC-GĐT ngày 06-3-2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Quyết định giám đốc thẩm nêu trên; giữ nguyên Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2017/HC-PT ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với việc kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HC-GĐT ngày 06-3-2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giữ nguyên Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2017/HC-PT ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành và ký Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01 ngày 06-5-1999:

[1.1]. Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì: *“Việc nhận nuôi con nuôi do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của người nuôi hoặc con nuôi công nhận và ghi vào sổ hộ tịch”* và theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10-10-1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch thì: *“Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người xin nhận nuôi con nuôi, hoặc của người được nhận làm con nuôi thực hiện việc đăng ký nhận nuôi con nuôi”*. Bà Lê Thị Bé Á đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 01 ngày 06-5-1999 công nhận việc nuôi con nuôi (công nhận cụ Nguyễn Thị H là mẹ nuôi của bà Lê Thị Bé Á) và ghi vào sổ hộ tịch là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Theo ông Nguyễn Văn H1 (là người ký Quyết định công nhận nuôi con nuôi) thì khi ký Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01 nêu trên, ông đã kiểm tra hồ sơ, thấy hồ sơ đã có đầy đủ các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật bao gồm đơn xin nhận nuôi con nuôi của cụ H; Giấy thỏa thuận về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi của cụ Lê Văn K và cụ Đỗ Thị V; Giấy khai sinh của người nhận nuôi con nuôi Nguyễn Thị H; Giấy chứng minh nhân dân của cụ H; Sổ hộ khẩu của cụ H; Giấy khai sinh của người được nhận làm con nuôi là bà Lê Thị Bé Á; Có sự đồng ý làm con nuôi của bà Á; Sau đó, UBND xã T đã tổ chức lễ giao nhận con nuôi có sự chứng kiến của bên giao (cụ K và cụ V), bên nhận (cụ H) và các bên đã cùng ký tên vào Sổ đăng ký nhận nuôi con nuôi, biên bản giao nhận nuôi con nuôi; Việc ông ký quyết định là có sự ủy quyền bằng văn bản của ông Nguyễn Văn G (Chủ tịch UBND xã T).

Trình bày của ông Nguyễn Văn H1 phù hợp với trình bày của ông Chu Thành Đ1 (là cán bộ tư pháp - hộ tịch xã T thời kỳ năm 1999) tại Tờ tường trình ngày 31-5-2016; Phù hợp với Sổ đăng ký nhận nuôi con nuôi đang được lưu trữ tại UBND xã T và UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Mặc dù hồ sơ lưu nuôi con nuôi tại UBND xã T bị thất lạc nhưng căn cứ vào xác nhận của cán bộ đăng ký hộ tịch, của UBND xã T, của UBND huyện L; Bộ gốc Sổ đăng ký nhận nuôi con nuôi; Quyết định số 01 QĐ/UB ngày 06-5-1999 của UBND xã T về việc công nhận nuôi con nuôi và Sổ đăng ký nhận nuôi con

nuôi đang được lưu trữ tại UBND huyện L (Quyển số 01/1999) có cơ sở xác định UBND xã T đã thực hiện đúng thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi và lễ giao nhận nuôi con nuôi được quy định tại Điều 36, Điều 38 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10-10-1998 của Chính phủ.

Thẩm quyền ký quyết định là của Chủ tịch UBND cấp xã ký thay mặt UBND nhưng tại Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01, Quyển I ngày 06-5-1999 lại do Phó Chủ tịch ký mà không ghi “ký thay” Chủ tịch UBND xã là thiếu sót nhưng sai sót (không ghi “KT” Chủ tịch UBND xã) khi ký quyết định không làm thay đổi bản chất của nội dung quyết định.

[2] Về nội dung của quyết định:

Theo quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì: *“Người từ 15 tuổi trở xuống mới được nhận làm con nuôi. Trong trường hợp con nuôi là thương binh, người tàn tật hoặc làm con nuôi người già yếu cô đơn thì con nuôi có thể trên 15 tuổi”*.

Theo sự thừa nhận của các bên đương sự thì nơi cư trú thường xuyên của cụ H là tại địa chỉ nhà số X (nay là số X1) đường T, phường 1, thành phố V. Bà T cho rằng, thời điểm cụ H nhận bà A (31 tuổi) làm con nuôi, cụ H không cô đơn vì cụ H sinh sống cùng với hai em ruột là cụ Nguyễn Văn C (cha của bà) và cụ Nguyễn Thị T1. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được chứng cứ, chứng minh thời điểm tháng 5 năm 1999 thì cụ C và cụ T1 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số X đường T, phường 1, thành phố V. Trong khi đó, Công an thành phố V có văn bản xác nhận ngày 24-8-2016 với nội dung: *“Căn cứ vào hồ sơ tàng thư hộ khẩu cho thấy Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú, do Công an phường C cấp ngày 12-02-1985 cho bà Nguyễn Thị H; số nhà X đường T, phường 1 (số mới X1 đường T, Phường 1, thành phố V) thể hiện ngày 22-01-1992, hộ còn 01 khẩu là bà H; Đến ngày 05-7-1999, Công an thành phố V đã đăng ký thường trú cho bà Lê Thị Bé A, sinh năm 1968 vào số nhà trên, hộ gồm 02 khẩu là bà H và bà A; Đến ngày 08-9-2015 Công an thành phố V xóa khẩu bà H lý do đã chết ngày 24-8-2015, hộ còn 01 khẩu là bà A”*. Đồng thời Sổ hộ khẩu gia đình của cụ H cũng thể hiện điều này.

Tại thời điểm nhận nuôi con nuôi (tháng 5-1999) cụ H sinh năm 1928 (71 tuổi), bà A sinh năm 1968 (31 tuổi). Căn cứ vào độ tuổi và Sổ hộ khẩu, cũng như xác nhận của Công an thành phố V thì có cơ sở xác định cụ H là người già yếu, cô đơn. Tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP của Chính phủ có quy định *“Trường hợp... người xin nhận con nuôi già yếu, cô đơn, thì đơn phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về hoàn cảnh đặc biệt đó”*. UBND xã T có xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ xin nhận con nuôi của cụ H và vì lý do khách quan nên hồ sơ đã bị thất lạc nay chỉ còn lưu trữ Sổ đăng ký nhận nuôi con nuôi năm 1999. Đối chiếu các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986

và Nghị định số 83/1998/NĐ-CP thì không có quy định bắt buộc người già cô đơn phải có tên trong danh sách thuộc đối tượng người cô đơn tại địa phương. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 cụ H có đủ điều kiện để nhận bà A làm con nuôi và bà A cũng đủ điều kiện được nhận làm con nuôi của cụ H.

[3] Thực tế bà A đã sống, làm công tại nhà cụ H từ năm 1989, chính thức làm con nuôi cụ H từ năm 1999, sinh sống cùng cụ H đến khi cụ H chết (ngày 24-8-2015); Quá trình chung sống giữa cụ H và bà A không xảy ra mâu thuẫn, hành hạ hay ngược đãi, cụ H và bà A không có yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi. Cụ H nhận bà A làm con nuôi trên tinh thần tự nguyện điều này thể hiện cụ H đã tự nguyện ký tên dưới mục “*Mẹ nuôi*” trong Sổ đăng ký nhận nuôi con nuôi năm 1999 hiện đang lưu giữ tại UBND xã T; Trong Sổ hộ khẩu gia đình được Công an Phường 1, thành phố V xác nhận ngày 09-6-2006 và Sơ yếu lý lịch ngày 12-7-2009 của cụ H đều thể hiện bà A là con nuôi. Khi cụ H chết, bà A là người đi khai tử và Giấy chứng tử cũng thể hiện bà A là con nuôi.

Do đó, UBND xã T, huyện L ban hành Quyết định số 01 ngày 06-5-1999 về việc công nhận nuôi con nuôi giữa cụ H và bà A là đúng quy định của pháp luật. Điều này phù hợp với Công văn số 737/CCN-CSVB ngày 11-12-2017 của Cục con nuôi Bộ tư pháp về Quyết định công nhận nuôi con nuôi nêu trên.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 01 ngày 06-5-1999 của UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HC-GĐT ngày 06-3-2018, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2017/HCPT ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 22-9-2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 266, khoản 2 Điều 272 và Điều 273 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/2019/KN-HC ngày 10-5-2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Quyết định giám đốc thẩm 07/2018/HC-GĐT ngày 06-3-2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HC-GĐT ngày 06-3-2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giữ nguyên Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2017/HC-PT ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp (để biết);
- TAND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (để biết);
- Chi cục THADS huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GĐKT 3 (3b), VP (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Nguyễn Hòa Bình